

VĂN BIA MA NHAI THỜI TRẦN TẠI HANG SON (PHƯỜNG YÊN TỬ, TỈNH QUẢNG NINH)

ĐINH THỊ THÙY HIÊN, NGUYỄN VĂN ANH *

1. Mở đầu

Hang Son là tên một hang đá lớn trong núi Hang Son, nằm bên tả ngạn sông Đá Bạc, trong khu vực có tọa độ địa lý $21^{\circ}01'30''$ vĩ Bắc, $106^{\circ}39'50''$ kinh Đông, thuộc địa phận phường Phương Nam, thành phố Uông Bí (nay là phường Yên Tử), tỉnh Quảng Ninh. Di tích cách núi Thiên Liêu nơi có ma nhai *Tam bảo địa* và *Thiên long uyển* khoảng 2,5km về phía hạ lưu sông Đá Bạc và gần như đối diện với di tích Bãi cọc Cao Quý qua sông Đá Bạc - nơi Khảo cổ học đã phát hiện bãi cọc gỗ lớn trong các năm 2019 - 2020. Núi Hang Son hay còn được gọi là núi Chu Cốc, Bão Phúc Nham, núi Bão. Ở địa phương, Hang Son được nhiều người biết đến là nơi thờ Thánh Hang Son, với câu chuyện về việc tranh chấp quyền sở hữu vị “Thánh Hang Son” giữa hai làng Yên Khánh (trước thuộc phường Yên Đức, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, nay là phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh) và Quý Khê (trước thuộc xã Liên Xuân, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, nay thuộc phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng) mà câu ca “đất Yên Khánh, thánh làng Quý” vẫn còn vang vọng đến hôm nay. Trong chiều sâu lịch sử, đây là một địa điểm không chỉ đặc biệt bởi sắc đỏ của cảnh quan tự nhiên, từ lòng hang cho tới dòng chảy qua hang, phản chiếu tạo nên sắc núi đỏ, hay đọng lại trong những địa danh núi, cửa sông, đền thờ, chùa, Thánh Hang Son, mà còn bởi nó là một phần quan trọng trong một không gian tâm linh lâu đời với nhiều lớp văn hóa Đạo giáo, Phật giáo, tín ngưỡng dân gian chồng xếp, hòa quyện với nhau: núi Chu Cốc, Bão Phúc Nham.

Trong bài viết “Bảo tồn di tích Hang Son (Uông Bí) trong kết nối tổng thể với *Thiên Long Uyển* và Khu Di tích Danh thắng Yên Đức (Đông Triều)” tham dự Hội thảo khoa học *Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị di sản vùng đất Uông Bí trong định hướng phát triển bền vững thành phố Uông Bí* do Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia phối hợp với Ủy ban Nhân dân Thành phố Uông Bí, Sở VH&TT tỉnh Quảng Ninh tổ chức tại Uông Bí ngày 6/7/2024, chúng tôi đã sơ lược giới thiệu về hai văn bia thời Trần trong nhóm di sản văn hiến (gồm 8 văn bia) tại Hang Son. Nhận thấy đây là nguồn tài liệu quan trọng để nhận diện di tích Bão Phúc Nham nói chung, khu vực Hang Son nói

* Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

Ngày nhận bài: 02/01/2026; Ngày gửi phản biện: 12/01/2026; Ngày duyệt đăng: 27/3/2026.

riêng - nơi chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hóa vùng Đông Bắc Việt Nam, trong nghiên cứu này, hai văn bia thời Trần được tập trung khảo cứu, giới thiệu đầy đủ hơn dưới góc độ bi ký học và sử học (Nguyễn Văn Anh, Đinh Thị Thùy Hiền 2024).

2. Văn bia thời Trần tại Hang Sơn

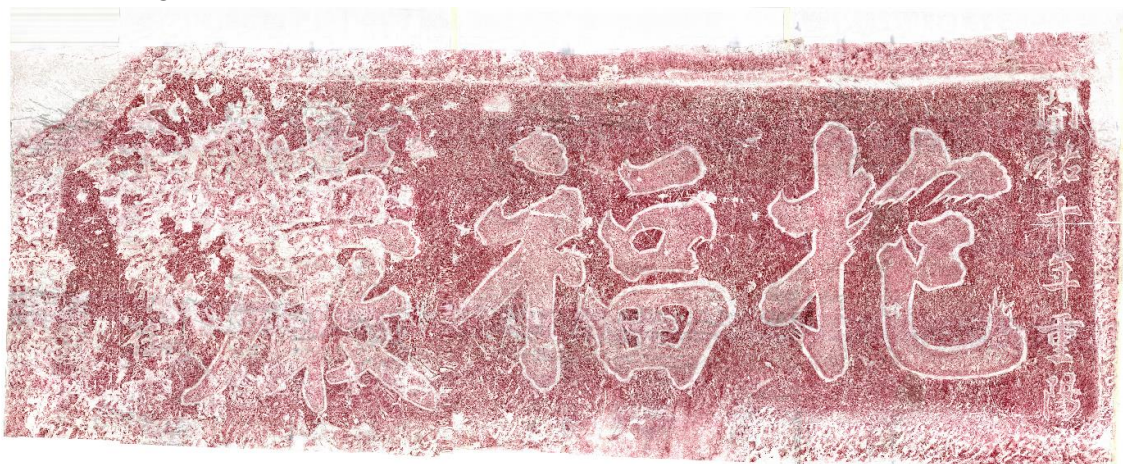
- Bia Bão Phúc Nham

Bão Phúc Nham 抱福巖 là loại bia ma nhai được khắc ở vách núi phía trên cửa hang, cao 14m so với mặt đất hiện tại. 3 chữ Bão Phúc Nham đã được nhiều người biết đến, tuy nhiên chưa ai khảo cứu đầy đủ và kỹ lưỡng về ma nhai này, đặc biệt là chưa ai đề cập đến người viết chữ và niên đại của ma nhai. Năm 2021, trong chương trình nghiên cứu Thiên Long Uyển, chúng tôi đã trực tiếp khảo cứu chi tiết ma nhai này; tìm hiểu cách thức, kỹ thuật để tạo khắc ma nhai; rập thạc bản và đọc toàn bộ nội dung của ma nhai.

Ma nhai được khắc trên khu vực vách đá thẳng đứng gần như vuông góc với mặt đất, bề mặt tương đối bằng phẳng. Tạo hình ma nhai có hình chữ nhật, nằm ngang giống như bức hoành phi lớn, góc bên trái phía trên (theo hướng người nhìn) của bức hoành phi bị khuyết do khối đá nhô ra lớn, phần giữa được mài khá nhẵn và được giới hạn bằng 1 đường chỉ chìm, chỉ rộng khoảng 1cm và ngoài cùng là đường gờ, rộng khoảng 15 - 18cm giống như khung của hoành phi (mãng), phần khung được đục bậ, làm giới hạn và nổi bật phần giữa lên. Phần bên trong được giới hạn bằng đường chỉ chìm dài 325cm, cao 105cm. Minh văn gồm 15 chữ Hán được viết trong khu vực này. Chữ viết theo lối chân, được bố cục thành 3 phần. Chính giữa khắc ba chữ Hán lớn 抱福巖 (*Bão Phúc Nham*), được sắp xếp theo hàng ngang, đọc từ phải qua trái, các chữ này cao trung bình 84 - 86cm, nét chữ khắc sâu, lối khắc nhấn sâu ở đường viền của nét chữ, giữa nổi khối kiểu sóng trâu, đặc tả nét sơ bút. Hiện trạng bề mặt chữ “巖 - Nham” đã bị phong hóa, bong vỡ nên không còn được sắc nét như hai chữ “抱福 - Bão Phúc”. Bên phải là dòng lạc khoản “開祐十年重陽 - Khai Hựu thập niên, Trùng Dương” (tức tiết Trùng Dương năm Khai Hựu thứ 10). Các chữ còn rõ ràng, sắc nét, trừ chữ “開 - Khai” hơi mờ ở phần góc trên bên phải. Bên trái có dòng chữ “太上皇帝御書 - Thái thượng hoàng đế ngự thư”. Phía bên trái của ma nhai có nhiều vết đạn làm biến dạng bề mặt, bong vỡ đá khiến mặt chữ phá hủy một phần, do đó các chữ 太上皇帝御書 khá mờ, nhìn trực tiếp rất khó nhận diện mặt chữ, rập cẩn thận, kỹ lưỡng, các chữ hiện lên tương đối rõ và dễ đọc hơn một chút. Các chữ này có tự dạng tương đồng với tự dạng của chữ trên dòng lạc khoản (*Hình 1*).

Bên cạnh ma nhai, còn lại dấu vết các lỗ giáo - lỗ được đục vào vách núi làm nơi kê, buộc giáo phục vụ việc thi công tạo tác ma nhai. Khi khảo cứu và rập ma nhai chúng tôi đã sử dụng chính những lỗ giáo này để buộc và gia cường giàn giáo, mặc dù sử dụng giáo sắt lắp ghép nhưng các lỗ giáo này rất hữu ích để gia cường cho giáo và tạo mặt sàn để đo vẽ, rập thạc bản của ma nhai. Qua đó hình dung được cách thức người thợ đã tổ chức thi công khắc tác ma nhai này. Để thi công khắc

tạc ma nhai, người ta đã bắc một giàn giáo cao khoảng 14 - 15m từ dưới lên đến vị trí ma nhai, ngoài hệ cột cắm dưới mặt đất, có nhiều cột, xà được chôn và tì vào vách núi mà dấu vết còn lại chính là các lỗ giáo.



Hình 1. Bản dập ma nhai Bão Phúc Nham

(Nguồn: Nguyễn Văn Anh)

Nội dung minh văn không chỉ cho biết Hang Sơn chính là Bão Phúc Nham, một phúc địa theo quan điểm của Đạo giáo mà còn cung cấp những thông tin rất quan trọng về niên đại và người viết chữ. Dòng lạc khoản “開祐十年重陽 - Khai Hựu thập niên, Trùng Dương” cho biết ma nhai được tạo vào tiết Trùng Dương năm Khai Hựu thứ 10. Chúng ta biết rằng, trong các triều đại quân chủ Việt Nam, Khai Hựu là niên hiệu của vua Hiến Tông nhà Trần. Không có vua nào khác sử dụng niên hiệu này. Do vậy, rõ ràng ma nhai này được tạo vào tết Trùng Dương năm Khai Hựu thứ 10 đời vua Trần Hiến Tông, tức năm 1338.

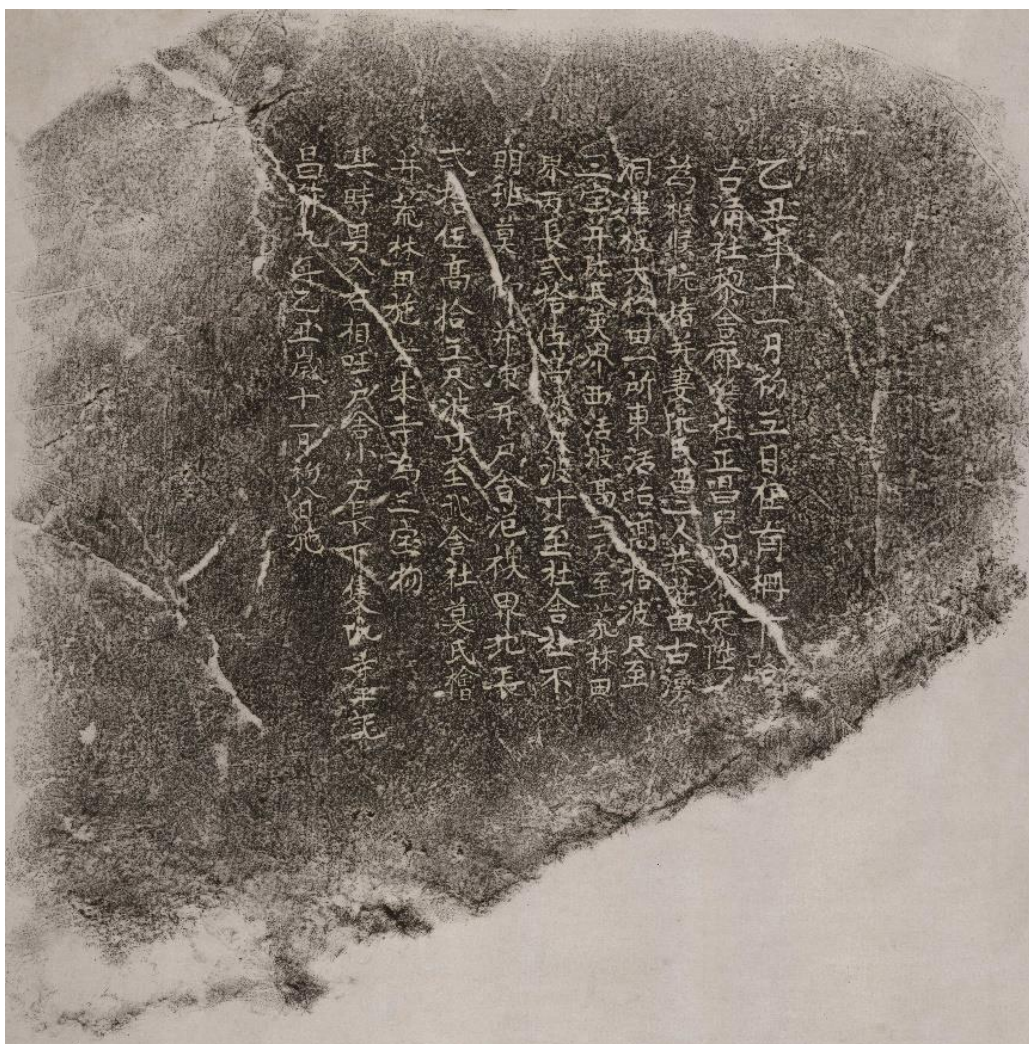
Về người viết chữ, dòng chữ “太上皇帝御書 - Thái thượng hoàng đế ngự thư” cho chúng ta biết về người đã hạ bút viết các chữ này, đồng thời cũng là minh chứng khẳng định rõ hơn niên đại của ma nhai. Như đã biết, trong các triều đại quân chủ Đại Việt, duy nhất vương triều Trần có mô hình Thái thượng hoàng. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Kỷ Tị, Khai Thái năm thứ 6 (1329), ngày 15 tháng 2, vua Minh Tông nhà Trần nhường ngôi cho Hoàng thái tử Vượng lên làm Thái thượng hoàng, Hoàng thái tử Vượng, lên ngôi, tức vua Hiến Tông, đổi niên hiệu là Khai Hựu năm thứ nhất (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998: 114). Minh Tông ở ngôi Thái thượng hoàng 28 năm (1329 - 1357), chữ Bão Phúc Nham được khắc ở Hang Sơn trong thời gian Minh Tông làm Thái thượng hoàng, điều này khẳng định minh văn trên ma nhai Bão Phúc Nham chính là bút tích của Thượng hoàng Minh Tông nhà Trần.

- Bia Xương Phù 9

Văn bia thứ hai cũng thuộc loại hình bia ma nhai, được khắc trên vách hang, không đề tên, chúng tôi tạm gọi theo niên đại soạn khắc là bia Xương Phù 9. Bia được khắc ở trên vách trong lòng hang, phía sau khu vực nay là Ban Tam Bảo. Khi được phát hiện vào năm 2021, văn bia đã bị quét

vôi phủ đẽ gài như toàn bộ phần chữ. Sau khi làm sạch, nội dung minh văn hiện lên tương đối đầy đủ, rõ ràng, dễ đọc, dù chữ không thật sắc nét. Minh văn gồm 11 hàng, với tổng số 169 chữ (hàng 1: 14 chữ; hàng 2: 15 chữ; hàng 3: 17 chữ; hàng 4: 16 chữ; hàng 5: 17 chữ; hàng 6: 16 chữ; hàng 7: 14 chữ; hàng 8: 16 chữ; hàng 9: 12 chữ; hàng 10: 18 chữ; hàng 11: 14 chữ). Minh văn được viết bằng chữ Hán, đan xen một số chữ Nôm (thường là số đếm). Trong minh văn có nội dung tương đối ngắn gọn này, người viết đã sử dụng nhiều chữ khác nhau để thể hiện một kí tự Hán (chẳng hạn chữ “Nam - 南” sử dụng chữ Bính 丙 hoặc viết bớt nét); hoặc sử dụng các chữ khác nhau để thể hiện một âm Nôm (chẳng hạn số đếm ba vừa dùng “三 - tam”, vừa dùng “波 - ba”)...

Minh văn mang đậm đặc trưng của văn bản thời Trần với các chữ hý tiêu biểu thời kỳ này là chữ “Nguyệt - 月” viết bớt nét “𠂇” (chữ thứ 6 hàng 1 và chữ thứ 10 hàng 11 từ trên xuống) và chữ Nam 南 kiêng đổi ra chữ Bính 丙 (chữ thứ 2, hàng thứ 6, từ trên xuống), hoặc viết bớt nét (chữ thứ 11 hàng 1, từ trên xuống). Cách dùng chữ Nôm thời kỳ này có nhiều điểm khác biệt so với cách viết chữ Nôm thông dụng với giới nghiên cứu hiện nay, chẳng hạn các chữ biểu thị số đếm “hai” (𠂇), “ba” (波), “mười ba” (拾波)... Xuất hiện dị thể của chữ quốc 国 là chữ 𠂇, một dị thể được cho là hiếm gặp và cổ trong các văn bản Hán Nôm Việt Nam. Chữ khoán 𠂇 cũng sử dụng dị tự 活 [hoạt] (Hình 2).



Hình 2. Bản dập văn bia năm Xương Phù 9 (1385)
(Nguồn: Nguyễn Văn Anh)

Nguyên văn:

乙丑年十一月初三日，在南柵下路古湧社黎舍廊舊社正唱兒內全定陞為祇侯阮堵並妻阮氏留，二人共施田古湧洞泮板大後田一所。東活哈高拾波尺，至三宝并阮氏英界。西活波高三尺，至荒林田界。丙長式拾伍高波尺波寸，至杜舍社不明辯莫仰并凍并卢舍范襖界。北長式拾伍高拾三尺波寸，至武舍社莫氏檜并荒林田。施岩朱寺為三宝物。

其時男入右相旺戶舍小戶長下隻阮寺平記。

昌符九年，乙丑歲十一月初八日施。

Phiên âm:

Ất Sửu niên thập nhất nguyệt sơ tam nhật, tại Nam Sách Hạ lộ Cổ Dũng xã Lê Xá làng Cự Xá chính Xướng nhi Nội trù, định thăng vì Chỉ hầu Nguyễn Đồ tịnh thê Nguyễn Thị Lưu, nhị nhân cộng thí điền Cổ Dũng động Phán Bản đại Hậu điền nhất sở. Đông khoát hai sào thập ba xích, chí Tam Bảo tịnh Nguyễn Thị Anh giới. Tây khoát ba sào tam xích, chí hoang lâm điền giới. Nam¹ trường nhị thập ngũ sào ba xích ba thôn, chí Đỗ Xá xã bất minh biện mạc Ngưỡng Tịnh đồng tịnh Lư Xá Phạm Áo giới. Bắc trường nhị thập ngũ sào thập tam xích ba thôn, chí Vũ Xá xã Mạc Thị Côi tịnh hoang lâm điền. Thí Nham Chu tự vì tam bảo vật.

Kỳ Thời nam, Nhập hữu tướng quốc Hộ xá Tiểu hộ trưởng Hạ chích Nguyễn Tự Bình ký.

Xương Phù cửu niên, Ất Sửu tuế thập nhất nguyệt sơ bát nhật thí.

Dịch nghĩa:

Ngày mùng 3 tháng 11 năm Ất Sửu (ngày 5/12/1385), Nguyễn Đồ - cự Xá chính², Xướng nhi Nội trù, được thăng làm Chỉ hầu, tại làng Lê Xá xã Cổ Dũng lộ Nam Sách Hạ, cùng với vợ là Nguyễn Thị Lưu, hai người cùng cúng một thửa ruộng Hậu lớn tại Phán Bản thuộc động Cổ Dũng. Phía đông rộng 2 sào 13 thước, đến ruộng Tam bảo và ruộng của Nguyễn Thị Anh. Phía tây rộng 3 sào 3 thước, đến ranh giới ruộng rừng hoang. Phía nam dài 25 sào 3 thước 3 tấc, đến đồng Ngưỡng Tịnh không rõ của ai ở xã Đỗ Xá và giới hạn ruộng của Phạm Áo ở Lư Xá. Một thửa ở phía bắc dài 25 sào 13 thước 3 tấc, đến ruộng của Mạc Thị Côi ở xã Vũ Xá và ruộng rừng hoang. Cúng cho chùa Nham Chu làm của tam bảo.

Kỳ Thời nam, Nhập hữu tướng quốc Hộ Xá Tiểu hộ trưởng là Nguyễn Tự Bình ký.

Ngày mùng 8 tháng 11 năm Ất Sửu, niên hiệu Xương Phù thứ 9 (tức ngày 10 tháng 12 năm 1385) cúng³.

3. Một số nhận xét

Trong ấn bản tuyển tập gần đây nhất liên quan đến văn bia thời Trần là *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến đời Trần* có tuyển chọn, giới thiệu 70 văn bản, trong đó 5 văn bản thời Bắc thuộc, 1 văn bản thời Đinh - Tiền Lê, 20 văn bản thời Lý và 44 văn bản thời Trần (Đinh Khắc Thuân 2021: 10, 356-608)⁴. Trong số này⁵, không có hai minh văn ở Hang Sơn. Hai văn bia chúng tôi đang nghiên cứu thuộc loại hình bia ma nhai, loại hình chiếm số lượng đông đảo thứ hai (sau bia tạo tác trong tập hợp của Đinh Khắc Thuân), và “cụm bia ma nhai thời Trần được khắc chủ yếu ở vách động núi Dương Nham (Hải Dương cũ, nay thuộc Hải Phòng) và núi Dục Thúy (Ninh Bình), trong đó ở vách núi Dục Thúy hiện có đến 10 văn bản thời Trần. Ngoài ra là văn bia khắc

trên vách núi Thành Nam, thôn Trầm Hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An”. Ma nhai Hang Sơn chia sẻ đặc điểm chung của bia ma nhai thời kỳ này, “được tận dụng các vách đá để khắc văn bản, thường không có hoa văn trang trí” (Đinh Khắc Thuân 2021: 86-87). Dù nội dung không dài, nhưng cả hai đều có tên tác giả - một đặc điểm chung khác của văn bia thời Trần - đặt trong tương quan so sánh với thời Lý (Đinh Khắc Thuân 2021: 88). Như vậy, có thể bổ sung thêm vào tập hợp bi ký thời Trần ở Việt Nam, cũng như tăng số lượng văn bia thời Trần đang được biết tới hiện nay.

Hai văn bia này là những di sản văn hiến của cha ông, có giá trị về nhiều mặt. Sự hiện diện của chúng là tài liệu gốc, trực tiếp để mở rộng hiểu biết về văn bia thời Trần nói riêng, bi ký học Việt Nam nói chung. Về mặt văn tự, chúng bổ sung dữ liệu nghiên cứu lịch sử chữ Hán, chữ Nôm, chữ hủ, thư pháp ở Việt Nam. Về mặt sử học, đây là những sử liệu quý, trước hết là về nhân vật lịch sử Trần Minh Tông, về vương triều Trần, về vùng đất Quảng Ninh, về ngay chính di tích Hang Sơn hay địa danh Bảo Phúc Nham...

Trước hết, với tính chất là bia công đức, ghi lại nội dung cúng ruộng đất của vợ chồng ông Nguyễn Đồ và bà Nguyễn Thị Lưu, nội dung ma nhai năm 1385 không chỉ ghi nhận sự tồn tại và phản ánh phần nào về vị trí, cảnh quan, ruộng đất của ngôi chùa có tên Nham Chu, mở rộng hiểu biết về chùa và Phật giáo thời Trần, mà còn cung cấp thông tin lịch sử về nhiều khía cạnh của đời sống xã hội thời kỳ này. Chỉ trong giới hạn chưa tới 200 chữ, tên tuổi người cung tiến và chủ các thửa ruộng giáp giới là dữ liệu đóng góp cho nghiên cứu về các yếu tố họ tộc, giới, bên cạnh các vấn đề ruộng Hậu, Hậu Phật... Chức, tước, đơn vị tự cư, đơn vị hành chính không chỉ đóng góp vào hiểu biết về tổ chức hành chính địa phương mà có ý nghĩa trong nghiên cứu những vấn đề rộng lớn hơn của lịch sử Việt Nam vốn còn đang đợi những lời giải đáp thỏa đáng, chẳng hạn về quản lý cấp cơ sở, quản trị làng xã thời Trần, trong đó đặc biệt quan trọng là chức danh của các vị xã quan như xã chính...

Các minh văn thời Trần tại Hang Sơn hé lộ nhiều thông tin liên quan đến hành trạng, tư tưởng, mối quan hệ của Trần Minh Tông (1300 - 1357) - vị vua thứ 5 triều Trần với vùng đất Quảng Ninh. Ông tên húy là Mạnh, được Trần Anh Tông truyền ngôi năm 15 tuổi, làm vua trong 15 năm (1314 - 1329), rồi nhường ngôi cho con trai Trần Hiến Tông, giữ ngôi Thái thượng hoàng 28 năm cho đến lúc qua đời, trải hai đời vua Hiến Tông (con thứ của Minh Tông, sinh năm 1319, mất năm 1341, trị vì 1329 - 1341) và Dụ Tông (con thứ 10 của Minh Tông, sinh năm 1336, mất năm 1369, trị vì 1341 - 1369). Do hai người con đều kế vị khi còn nhỏ tuổi (Hiến Tông lên ngôi



Hình 3. Bản dập văn bia Tam Bảo Địa
(Nguồn: Nguyễn Văn Anh)

lúc 10 tuổi, Dụ Tông 6 tuổi) nên trên thực tế Trần Minh Tông nắm quyền cho đến tận khi nhắm mắt xuôi tay (Vũ Văn Quân (cb) 2019: 216).

Thư tịch cổ không cho biết hành trạng của Minh Tông năm Mậu Dần Khai Hựu thứ 10 (1338). *Đại Việt sử ký toàn thư* trong năm này chỉ chép 2 sự kiện: Sự kiện thứ nhất là vào tháng 10 âm lịch, gió to, nhà cửa, cây cối bị đổ gãy nhiều; và sự kiện thứ hai là cho Cung Tĩnh vương Nguyên Trác tham dự triều chính và Cung Định vương Phủ làm Phiêu kỵ thượng tướng quân lĩnh trấn Tuyên Quang (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998: 126)⁶. Như vậy, *Bảo Phúc Nham* là một nguồn thông tin bổ sung trong điều kiện các nguồn tư tịch khan hiếm và nghèo nàn.

Cũng trên đất Quảng Ninh, còn có 2 ma nhai khác mới được phát hiện gần đây, được biết đến với tên gọi *Tam bảo địa* soạn khắc năm Thiệu Phong thứ 8 đời vua Trần Dụ Tông (1348) và *Thiên long uyển* không có niên đại (Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Duy Cường 2022: 33-39). Trong *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến đời Trần*, Đinh Khắc Thuân nhận xét rằng, các dòng chữ bên trái văn bia núi Thiên Liêu cho biết hân hạnh được vua Trần đến cho đổi tên Thiên Liêu Sơn tự làm Sùng Nhân điện. Tuy nhiên khi giới thiệu nội dung văn bia Thiên Liêu sơn, chúng tôi không thấy có nội dung này trong các phần nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa (Đinh Khắc Thuân 2021: 112, 459-461), có lẽ là vì nhiều chữ đã khá mờ, khó đọc (*Hình 3*). Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Duy Cường trong bài “*Chùa Sùng Nhân trên núi Thiên Liêu và mối quan hệ với Thiên Long Uyển*” sử dụng phần phiên âm, dịch nghĩa của Hà Duy Biền, nội dung này cụ thể như sau:

Nguyên văn:

“幸[麻][料][庄]親臨改賜為天廖山・寺曰崇仁・殿曰嚴[]・[]曰[]光。”

Phiên âm:

Hạnh [Ma] [Liệu] [trang] thân lâm cải tứ vi Thiên Liêu sơn, tự viết Sùng Nhân, điện viết Nghiêm [], [] viết [] Quang.

Dịch nghĩa

Vua ngự giá đến [Ma][Liệu][trang] ban cho núi là núi Thiên Liêu, chùa tên là Sùng Nhân, điện tên là Nghiêm [Tĩnh], [] tên là [Đạo] Quang.

Trước năm 1338, sự kiện gần nhất cho thấy khả năng Thượng hoàng Minh Tông hiện diện ở khu vực Quảng Ninh mà sử biên niên chép là việc phụ táng Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng thái hậu vào Thái Lăng (phường An Sinh, tỉnh Quảng Ninh hiện nay) năm Nhâm Thân Khai Hựu thứ 4 (1332). Còn các năm sau đó, ông đi đạo Nghệ An (năm Khai Hựu thứ 6, 1334), đi đánh Ai Lao (tháng 9 năm Khai Hựu thứ 7, 1335; đến tháng hai⁷ năm Khai Hựu thứ 8, 1336 mới về đến kinh sư) (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998: 122-126). Minh Tông có lẽ đã đến thăm Bảo Phúc nham (Hang Sơn) trong khoảng thời gian 1332-1338. Cũng không rõ sự kiện đổi tên chùa ở núi Thiên Liêu thành chùa Sùng Nhân diễn ra vào thời điểm nào, bởi vị vua nào, song với việc Thái thượng hoàng Trần Minh Tông là người chấp chính trong suốt 12 năm thời Hiến Tông (1329-1341) và 16 năm thời Dụ Tông (1341-1357), điều này phản ánh sự gắn bó mật thiết của ông cũng như vương triều Trần với vùng đất Quảng Ninh.

Mối quan hệ này không chỉ với tư cách vùng đất quê hương, nơi đặt lăng tẩm và thái miếu. Nếu để ý kỹ sẽ thấy, thời kỳ làm Thái thượng hoàng, nhiều lần Minh Tông thân chinh cầm quân: tuần thú đạo Đà Giang, đánh người Nguu Hồng năm 1329; chỉ huy đánh Ai Lao 2 đợt vào năm 1334 và các năm 1335 - 1336 (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998: 115-116, 122, 123). Ông rất chú tâm

đến việc ghi lại các chuyến đi dọc ngang đất nước như thế. Trong chuyến đi Đà Giang đề cập đến ở trên, ông cử Nguyễn Trung Ngạn theo để biên soạn thực lục (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998: 115). Tuần thứ đạo Nghệ An, đánh Ai Lao năm 1334, ông sai Nguyễn Trung Ngạn mài vách núi khắc chữ ghi công (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998: 122; *Đại Việt sử ký tiền biên* 1997: 433), lưu lại bia ma nhai ở núi thôn Trầm Hương huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An), nét chữ viết to bằng bàn tay, nét tạc vào đá sâu đến hơn một tấc (Vũ Văn Quân (cb) 2019: 220). Ông cũng từng để lại bia ma nhai *Thái Thượng hoàng đế thánh chỉ* khắc năm Kỷ Sửu, niên hiệu Thiệu Phong (1349) trên núi Dục Thúy (tỉnh Ninh Bình) (Đinh Khắc Thuân 2021: 461-462)⁸. Những tấm bia ghi công đồng thời là những mốc giới đánh dấu bước chân của nhà cầm quyền tối cao trong vương quốc - biểu tượng trường tồn, hiện thân của vương quyền khắp các vùng đất trong lãnh thổ quốc gia - được đặt ở những vị trí trọng yếu. Vì vậy, bản thân sự hiện diện của các văn bia phản ánh phần nào tư tưởng trị quốc của ông, cũng như khẳng định vị trí địa chiến lược của khu vực Bạch Đằng, mở rộng ra là vùng biển Đông Bắc dưới triều Trần.

Đây cũng là nguồn tài liệu quý để nghiên cứu về Bão Phúc Nham - một phúc địa, địa điểm quan trọng của Đạo giáo, ảnh hưởng của Đạo giáo ở khu vực Quảng Ninh cũng như ở Đại Việt hồi giữa thế kỷ XIV, khi mà Thái Thượng hoàng Trần Minh Tông đã từng giá lâm và để lại thủ bút tại đây vào đúng tết Trùng Dương - lễ hội quan trọng nhất của Đạo giáo được tổ chức hàng năm; cũng như sự biến chuyển, dung hợp Đạo giáo - Phật giáo với sự hiện diện của ngôi chùa thờ Phật cũng ở trong giai đoạn này. Nói cách khác, những thông tin từ hai văn bia góp phần khẳng định vị trí Bão Phúc Nham, vai trò, vị trí của một danh thắng, trung tâm tôn giáo, vị trí chiến lược của Hang Sơn trong lịch sử, của sông Đá Bạc - Bạch Đằng.

Chú thích:

1. Ty húy, được viết thành Bính 丙.
2. *Xã chính* là một chức danh trong hệ thống xã quan, lần đầu tiên được thiết lập trong lịch sử Việt Nam vào năm 1242 dưới thời Trần, gồm Đại tư xã, Tiểu tư xã, Xã chính, Xã sử và Xã giám.
3. Phần phiên âm, dịch nghĩa được hiệu đính bởi TS. Đào Phương Chi (Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Chúng tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn đối với sự giúp đỡ của chị.
4. Số liệu này được đưa ra trong *Lời Nói đầu*, cũng thống nhất với việc giới thiệu 44 văn bia thời Trần (số 27-70) ở phần II, nội dung văn bia của cuốn sách. Tuy nhiên, số liệu đưa ra ở trang 83 lại gây bối rối cho người đọc: “trên cơ sở các thác bản văn bia được sưu tầm về Viện Nghiên cứu Hán Nôm, cùng những phát hiện mới gần đây, chúng tôi giới thiệu ở đây 40 văn khắc thời Trần, trong đó 31 văn bia, 8 minh chuông, 1 khắc trên cột gỗ” (Đinh Khắc Thuân 2021: 83).
5. Không rõ đây đã phải là tất cả các văn bia thời Trần hiện có không, do ở một đoạn khác, tác giả có đề cập “53 văn bia thời Trần” (Đinh Khắc Thuân 2021: 88).
6. Cũng xem *Đại Việt sử ký tiền biên* 1997: 437. Sách này chép tương đối thống nhất với *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng gồm 3 sự kiện: Nước lớn (tháng 8), gió lớn, đổ nhà cửa, cây cối nhiều (tháng 10); Ban quyền tham dự triều chính cho Cung Tĩn vương, cho Định vương làm phiêu kỵ tướng quân, quản lĩnh trấn Tuyên Quang.
7. *Đại Việt sử ký toàn thư* không chép thời điểm trở về, nhưng ngày 19 tháng 10 âm lịch cùng năm, con trai ông là Hạo (sau này là vua Dụ Tông) chào đời. Thông tin này tỏ ra phù hợp với ghi nhận trong *Đại Việt sử ký tiền biên*, rằng Thượng hoàng từ Ai Lao trở về vào tháng 2 (*Đại Việt sử ký toàn thư* 1998, tập II: 124; *Đại Việt sử ký tiền biên* 1997: 436).
8. Sự kiện này không thấy xuất hiện trong các dòng biên niên của các bộ chính sử. Xem *Đại Việt sử ký toàn thư* 1998, tập II: 131; *Đại Việt sử ký tiền biên* 1997: 442.

TÀI LIỆU DẪN

Đại Việt sử ký tiền biên 1997. Nxb. KHXH, Hà Nội.

Đại Việt sử ký toàn thư 1998, tập II. Nxb. KHXH, Hà Nội.

ĐINH KHẮC THUẬN 2021. *Văn bia chữ Hán Việt Nam từ thời Bắc thuộc đến đời Trần*. Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội.

NGUYỄN VĂN ANH, ĐINH THỊ THÙY HIỀN 2024. “Bảo tồn di tích Hang Sơn (Uông Bí) trong kết nối tổng thể với Thiên Long Uyển và Khu Di tích Danh thắng Yên Đức (Đông Triều)”. Trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị di sản vùng đất Uông Bí trong định hướng phát triển bền vững thành phố Uông Bí*. Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội: 426-441.

NGUYỄN VĂN ANH, NGUYỄN DUY CƯỜNG 2022. “Chùa Sùng Nhân trên núi Thiên Liêu và mối quan hệ với Thiên Long Uyển”. Trong *Nghiên cứu Phật học* (1): 33-39.

VŨ VĂN QUÂN (cb) 2019. *Vương triều Trần (1226-1400)*. Nxb. Hà Nội, Hà Nội.

Tóm tắt

Bài viết công bố hai bia ma nhai thời Trần tại di tích Hang Sơn (phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh). Văn bia thứ nhất là thủ bút của Thái thượng hoàng Trần Minh Tông đề ba chữ lớn “Bão Phúc Nham” vào tiết Trùng Dương năm Khai Hựu thứ 10 (1338). Văn bia thứ hai ghi việc vợ chồng Nguyễn Đỗ cúng dường ruộng đất cho chùa Nham Chu soạn năm Xương Phù thứ 9 (1385).

Hai văn bia mới phát hiện này không chỉ bổ sung thêm số lượng văn khắc thời Trần, làm phong phú kho tàng bi ký Việt Nam mà còn chứa đựng giá trị về minh văn học, ngôn ngữ học, góp phần sáng tỏ một số vấn đề về quản lý làng xã, sở hữu ruộng đất và sự giao thoa Đạo giáo - Phật giáo thế kỷ XIV. Trong số đó, đặc biệt đáng lưu ý là những thông tin về hành trạng của Trần Minh Tông, về mối quan hệ của ông cũng như vương triều Trần với vùng đất Quảng Ninh - nơi có vị trí địa chiến lược, cũng là một trung tâm văn hóa - tôn giáo quan trọng trong không gian di sản vùng Đông Bắc.

Từ khóa: Hang Sơn; Bão Phúc nham; Văn bia thời Trần; Trần Minh Tông; Quảng Ninh.

Abstract

This article presents the discovery of two Trần dynasty cliff inscriptions at the Hang Son site (Yên Tử Ward, Quảng Ninh Province). The first inscription features the calligraphy of Trần Minh Tông, who inscribed the three large characters “Bão Phúc Nham” 抱福巖 during the Double Ninth (Trùng Dương) Festival in the 10th year of the Khai Hựu reign (1338). The second inscription, dated to the 9th year of the Xương Phù reign (1385), records the donation of land to Nham Chu Pagoda by Nguyễn Đỗ and his wife.

These newly discovered inscriptions not only expand the corpus of Trần dynasty epigraphy and enrich Vietnam's heritage of stone inscriptions but also possess significant value for epigraphic and linguistic studies. They contribute to clarifying various issues regarding village management, land ownership, and the syncretism of Taoism and Buddhism in the 14th century. Of particular note is the information regarding the life and activities of Trần Minh Tông, as well as the relationship between him and the Trần dynasty as a whole, with Quảng Ninh area - an geostrategic region that served as a vital cultural and religious center within the heritage landscape of Northeast Vietnam.

Keywords: Hang Son; Bão Phúc nham; Trần dynasty stelae; Emperor Trần Minh Tông; Quảng Ninh.